Model No.RP0900 ROUTER

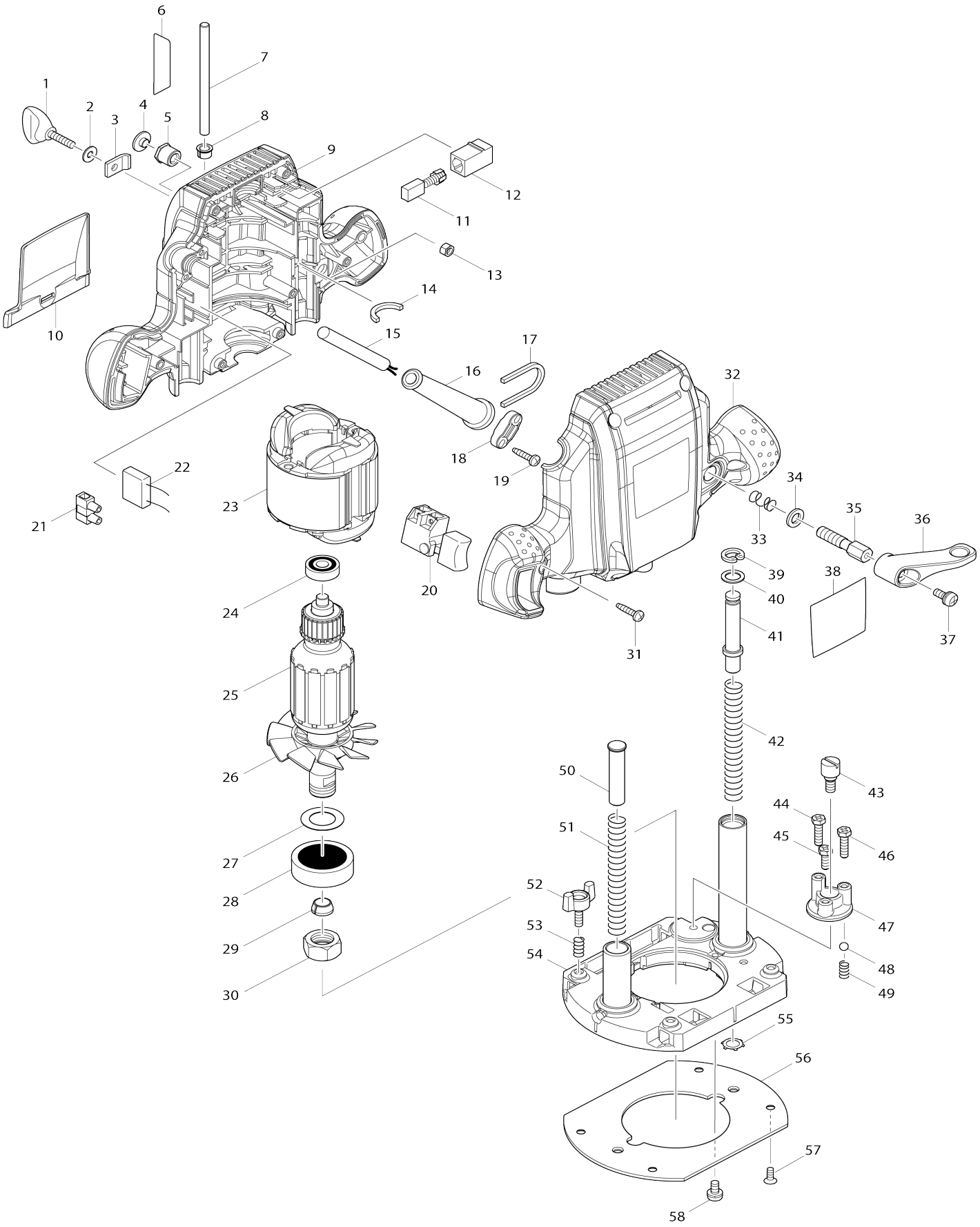

Model No.RP0900 ROUTER

Bản vẽ	Mã Phụ tùng tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	251878-6	Ốc vít có tai vặn M5X20		1			
002	941101-4	Long đền đệm phẳng 5		1			
003	346007-5	Đệm áp suất		1			
004	424156-9	Nắp cao su		1	*		
005	252094-3	Đai ốc lục giác M8		1			
006	816925-6	Nhãn tỷ lệ		1	*		
006-1	816924-8	Nhãn tỷ lệ	<	1			
007	321948-6	Thước canh độ xâu		1			
008	451035-8	Đệm		1			
009	188696-8	Bộ vỏ ngoài		1	*		
C10	263002-9	Chốt cao su 4		3	*		
C20	263005-3	Chốt cao su 6		1	*		
009		INC. 13,32			*		
009-1	183V42-2	HOUSING SET	O	1			
C10	263002-9	Chốt cao su 4		3			
C20	263005-3	Chốt cao su 6		1			
009-1		INC. 13,32					
010	450820-6	Miếng giữ bạc đạn		1			
011	A-81290	CARBON BRUSH CB-106A		1	*		
011-1	B-80313	CARBON BRUSH SET CB-106A	<	1			
012	643601-7	Ổ chổi than 6-10		2			
013	931202-6	Đai ốc lục giác M5		1			
014	443073-4	Nỉ		1			
015	691015-4	Dây nguồn 0.75-2-2.5		1			
016	682504-0	Chắn bảo vệ dây 10-85		1			
017	443074-2	Nỉ		1			
018	687140-7	Kẹp dây		1			
019	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		2			
020	651280-7	Công tắc		1			
023	594593-2	Cụm stato 220V		1	*		
C10	654037-5	Thiết bị đầu cuối cách nhiệt FVW S1.25-M3		2	*		
C12	654409-4	Thiết bị đầu cuối cách nhiệt VR1. 25-3.5LB	O	2	*		
023-1	590053-2	Cụm stato 220V	O	1			
C12	654409-4	Thiết bị đầu cuối cách nhiệt VR1. 25-3.5LB	O	2			
024	210044-4	Bạc đạn 608DDW		1	*		
024-1	210200-6	Bạc đạn 608DDW	O	1			
025	513778-1	Cụm lõi ứng điện 220V		1			
025		INC. 24,26-28					
026	241835-2	Cánh quạt 72		1	*		
026-1	240123-4	Cánh quạt 72	<	1			
027	267114-0	Long đền đệm phẳng 17		1			
028	211278-2	Bạc đạn 6203DDW		1			
029	763619-3	Trụ ống lồng 9.53		1			
030	763615-1	Đai ốc ống lồng		1			
031	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		7			
032	188696-8	Bộ vỏ ngoài		1	*		

C10	263002-9	Chốt cao su 4		3	*		
C20	263005-3	Chốt cao su 6		1	*		
032		INC. 9,13			*		
032-1	183V42-2	HOUSING SET	O	1			
C10	263002-9	Chốt cao su 4		3			
C20	263005-3	Chốt cao su 6		1			
032-1		INC. 9,13					
033	233110-0	Lò xo nến 8		1			
034	941202-8	Long đền đệm phẳng 8		1			
035	266460-8	Bu-lông điều chỉnh M8		1	*		
035-1	266920-0	Bu-lông điều chỉnh M8	S	1			
036	450821-4	Đòn bẩy 47		1			
037	911213-7	Vít dầu dù M5X12 WR		1			
038	866313-7	Bảng tên RP0900		1			
039	962065-9	Vòng giữ (int) tròn R-15		1			
040	267047-9	Long đền đệm phẳng 10		1			
041	415992-4	Chốt giữ lưỡi 10		1	*		
041-1	451524-3	Chốt giữ lưỡi 10	<	1			
042	231416-0	Lò xo nến 10		1			
043	251447-3	Vít đầu bằng vai gờ M6		1			
044	265587-1	Bu-lông đầu lục giác M5X20		1			
045	265586-3	Bu-lông đầu lục giác M5X14		1			
046	265587-1	Bu-lông đầu lục giác M5X20		1			
047	135264-8	Nút chặn cữ		1			
047		INC. 43-46					
048	216022-2	Bi hãm 7.0		1			
049	231419-4	Lò xo nến 5		1			
050	256651-9	Chốt đầu 10		1			
051	231417-8	Lò xo nến 10		1			
052	265761-1	Ốc vít có tai vặn M5X16		2			
053	231240-1	Lò xo nến 7		2			
054	158808-7	Bộ bàn nhôm		1			
055	259019-8	Khóa tự động 15		2			
056	450819-1	Miếng bần		1			
057	912112-6	Vít đầu chìm M4X10		4			
058	911206-4	Vít dầu dù M5X10 W		2			
A01	164834-6	Thanh dẫn thẳng		1			
A02	781006-4	Cờ lê mở ốc 13		1	*		
A02-1	781039-9	Cờ lê mở ốc 13	O	1			
A03	781011-1	Cờ lê mở ốc 22		1			
A04	763637-1	Trụ ống lồng 6.35		1			
F02	199140-0	Bộ ray dẫn hướng 1000		1			
F03	199141-8	Bộ ray dẫn hướng 1500		1			
F04	194368-5	Bộ ray dẫn hướng 1400		1			
F05	194925-9	Bộ ray dẫn hướng 1900		1			
F06	194367-7	Bộ ray dẫn hướng 3000		1			
F07	194416-0	Bộ tấm đệm 10000		1			
F08	194417-8	Bộ tấm đệm cao su 10000		1			
F09	194418-6	Bộ tấm đệm định vị 1400		1			
F10	194910-2	Bộ tấm đệm định vị 1900		1			
F60	195136-9	Bộ thanh dẫn thẳng		1			
F61	195137-7	Bộ thanh truyền 8		1			